

# VIETNAM DAILY

## [Điểm nhấn thị trường]

TTCK Việt Nam giảm điểm do sự tác động của nhóm cổ phiếu chứng khoán, bất động sản và ngân hàng với thanh khoản tăng

## [Hợp đồng tương lai/Quỹ ETF]

Các HĐTL giảm điểm tương đồng với diễn biến của thị trường cơ sở

## [Thông tin doanh nghiệp]

PVS, VPB

## [Cập nhật ngành - FTM]

Dầu khí

## [Vĩ mô - FTM]

NHNN tiếp tục hút về 20,000 tỷ đồng thông qua phát hành tín phiếu

## [Quan điểm đầu tư]

NDT được khuyến nghị mở mua thăm dò với mục tiêu trading T+ khi chỉ số về quanh ngưỡng hỗ trợ đã đề cập nhưng cần khống chế tỷ trọng ở mức an toàn

16/10/2023

	Chỉ số	Thay đổi (%, bp)
VNIIndex	1,141.42	-1.15
VN30	1,153.21	-1.15
HĐTL VN30F1M	1,146.50	-1.26
HNXIndex	236.46	-1.08
HNX30	504.58	-1.14
UPCoM	87.35	-0.63
USD/VND	24,473	+0.10
Lợi suất TPCP 10 năm (%)	2.85	+0
Lãi suất qua đêm (%)	0.79	+44
Dầu (WTI, \$)	87.05	-0.73
Vàng (LME, \$)	1,911.88	-1.08



# Điểm nhấn thị trường

**VNIndex** 1,141.42 (-1.15%)  
**KLGD (triệu CP)** 623.0 (+14.1%)  
**GTGD (triệu US\$)** 622.3 (+9.0%)

TTCK Việt Nam giảm điểm do sự tác động của nhóm cổ phiếu chứng khoán, bất động sản và ngân hàng với thanh khoản tăng. Khối ngoại bán ròng, tập trung tại MWG (-1.82%), FPT (+0.73%), FUEVFNND (-1.62%).

**HNXIndex** 236.46 (-1.08%)  
**KLGD (triệu CP)** 85.9 (-5.5%)  
**GTGD (triệu US\$)** 78.9 (+0.2%)

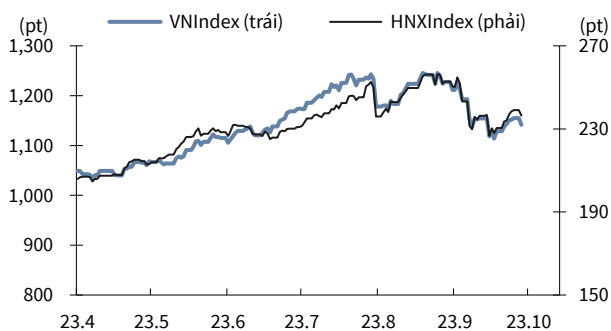
Giá gạo xuất khẩu tăng sau khi Indonesia thông báo sẽ mua nhiều hơn trong năm nay và Việt Nam sẽ là nguồn cung gạo chính cho thị trường này. Cụ thể trong tuần vừa qua, gạo 5% tấm của Việt Nam được chào bán ở mức từ 615 - 625 USD/tấn, tăng từ mức 610 - 620 USD/tấn một tuần trước đó. Cổ phiếu nhóm Gạo tăng giá ở PAN (+0.99%), LTG (+2.39%).

**UPCoM** 87.35 (-0.63%)  
**KLGD (triệu CP)** 39.4 (-18.1%)  
**GTGD (triệu US\$)** 26.3 (+15.3%)

Tính chung cả tuần qua, giá dầu Brent tăng 7.5%, còn giá dầu thô ngọt nhẹ tăng 5.9% trong bối cảnh giới đầu tư quan ngại khả năng xung đột Israel - Hamas lan rộng có thể đẩy giá dầu tăng cao. Cổ phiếu nhóm Dầu khí tăng giá ở PVS (+2.01%), BSR (+2.38%).

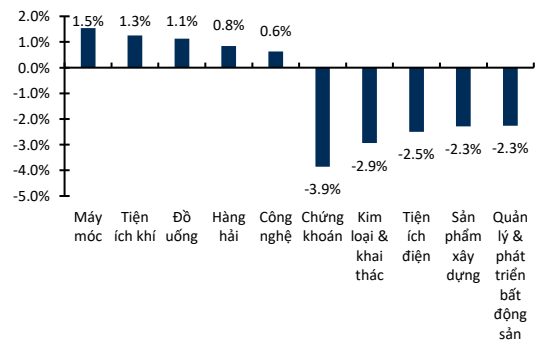
**NĐTNN mua ròng (triệu US\$)** -35.6

## VNIndex & HNXIndex



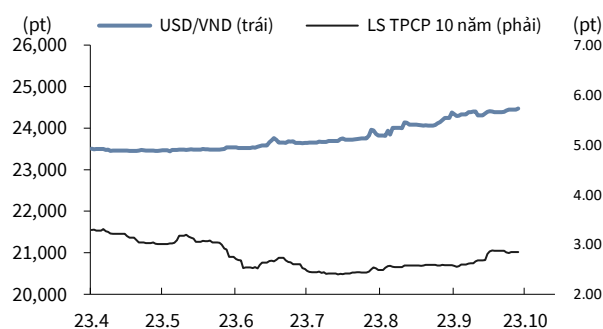
Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

## Biến động nhóm ngành



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

## USD/VND & lợi suất trái phiếu chính phủ 10 năm



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

## Giá trị mua ròng khối ngoại lũy kế 3 tháng



Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

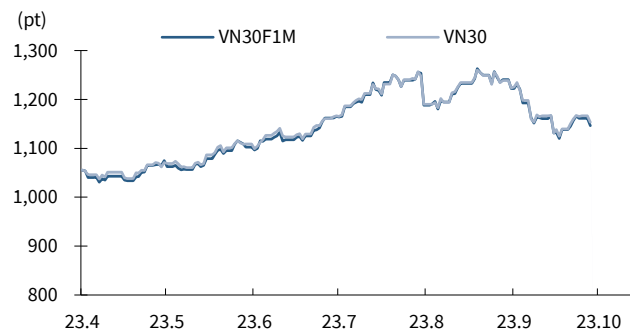
# Hợp đồng tương lai/Quỹ ETF

<b>VN30</b>	<b>1,153.21 (-1.15%)</b>
<b>VN30F1M</b>	<b>1,146.5 (-1.26%)</b>
<b>Mở cửa</b>	<b>1,158.0</b>
<b>Cao nhất</b>	<b>1,159.8</b>
<b>Thấp nhất</b>	<b>1,143.0</b>

Các HĐTL giảm điểm tương đồng với diễn biến của thị trường cơ sở. Chênh lệch giữa F2310 và VN30 mở cửa tại -7.66 điểm, sau đó biến động quanh mức -6.9 điểm, và đóng cửa tại -6.71 điểm. Khối lượng giao dịch giảm.

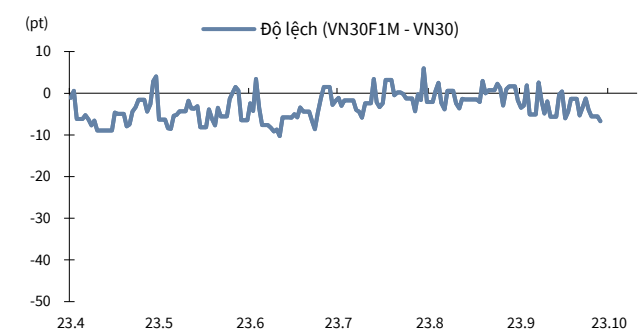
<b>KLGD (HĐ)</b>	<b>196,484 (-6.2%)</b>
------------------	------------------------

### HĐTL VN30F1M & VN30



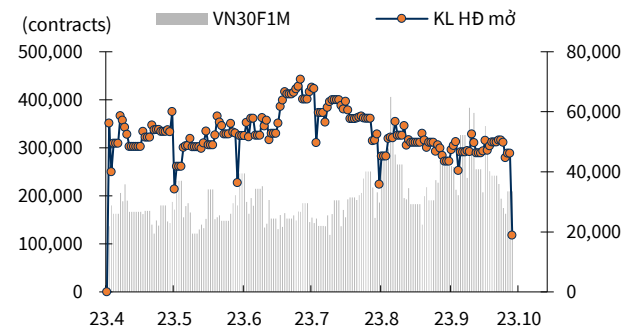
Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

### Độ lệch HĐTL VN30F1M so với VN30



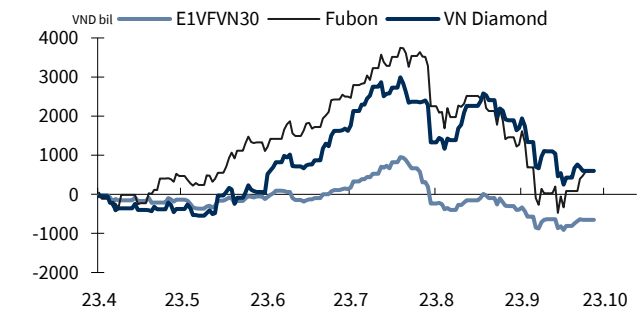
Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

### KLGD HĐTL VN30F1M & KL hợp đồng mở



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

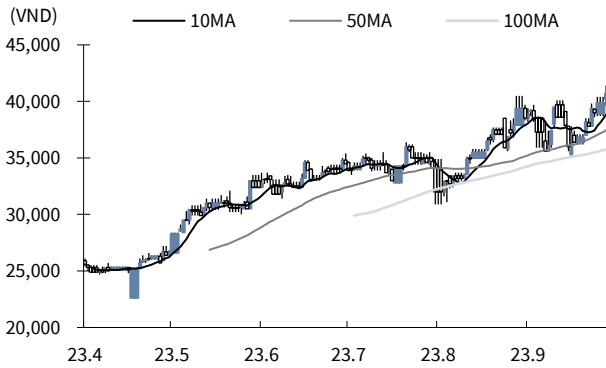
### Biến động tổng tài sản các quỹ ETFs lớn



Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

# Thông tin doanh nghiệp

## Tổng Công ty cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam (PVS)

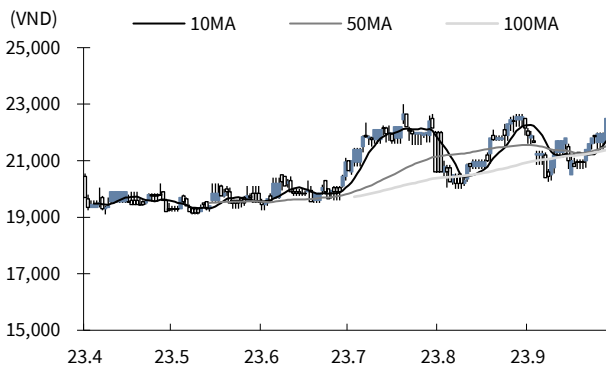


Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

- PVS tăng 2.01% lên 40,700 VND/cp

- Tổng Công ty cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam mới đây đã công bố nghị quyết HĐQT thông qua kế hoạch chia cổ tức cho cổ đông với tỷ lệ 7% bằng tiền (01 cổ phiếu được nhận 700 đồng). Với gần 478 triệu cổ phiếu đang lưu hành, PVS dự kiến chi khoảng 335 tỷ đồng để trả cổ tức cho cổ đông. Nguồn vốn trả cổ tức lấy từ lợi nhuận sau thuế năm 2022 chưa phân phối.

## Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng (VPB)



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

- VPB tăng 2.51% lên 22,500 VND/cp

- Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng vừa công bố Nghị quyết của HĐQT phê duyệt ngày đăng ký cuối cùng thực hiện chi trả cổ tức năm 2023 bằng nguồn lợi nhuận năm 2022 với khoảng 8,000 tỷ đồng. Theo đó, VPB sẽ chia cổ tức với tỷ lệ 10% bằng tiền. Ngày đăng ký cuối cùng thực hiện chi trả cổ tức là ngày 10/11/2023 và thời gian dự kiến thực hiện chia cổ tức là ngày 20/11/2023.

16/10/2023

Chuyên viên phân tích Hồ Đức Thành  
(+84) 965-361-908  
thanhhhd@kbsec.com.vn

## NHNN tiếp tục hút về 20,000 tỷ đồng thông qua phát hành tín phiếu

Hôm nay NHNN tiếp tục phát hành tín phiếu khối lượng 20,000 tỷ, lãi suất 0.9% kỳ hạn 28 ngày. Từ ngày 21/9 đến hết hôm nay, NHNN đã hút ròng hơn 220,000 tỷ VND trên kênh thị trường mở với lãi suất bình quân 0.85%. Nếu trong tuần này NHNN tiếp tục duy trì mức độ hút ròng như hiện tại thì sẽ có khoảng 250,000 tỷ bị hút khỏi hệ thống.

Ngày 19/10 sẽ là ngày khoản tín phiếu đầu tiên đáo hạn. Với việc lãi suất liên ngân hàng vẫn đang ở mức rất thấp (ON 0.37%), tỷ giá liên ngân hàng vẫn ở mức cao, và chênh lệch lãi suất VND/USD duy trì cao kích thích hoạt động giao dịch đầu cơ gây áp lực lên tỷ giá, chúng tôi cho rằng NHNN sẽ vẫn tiếp tục phát hành tín phiếu mới để thay thế lượng đáo hạn. Chúng tôi đề xuất 3 kịch bản:

- Tỷ giá tiếp tục duy trì ở vùng 24,000 – 24,400 : SBV tiếp tục phát hành với khối lượng trung bình khoảng 12,000 tỷ/phiên
- Tỷ giá vượt 24,500 : NHNN phát hành với khối lượng trung bình khoảng 20,000 tỷ/phiên cho đến khi tỷ giá có dấu hiệu hạ nhiệt rõ nét hơn.
- Trong kịch bản tỷ giá tiến gần mốc 25,000 VND/USD, chúng tôi không loại trừ khả năng SBV sẽ thực hiện bán forward USD để ổn định tỷ giá.

16/10/2023

Chuyên viên phân tích Phạm Minh Hiếu  
hieupm@kbsec.com.vn

# Dầu khí

## Cập nhật nhanh tình hình dự án lô B Ô Môn

### Các vướng mắc:

- Chúng tôi cho rằng vướng mắc lớn nhất dự án đến từ việc thống nhất giá và sản lượng bán khí-điện hạ nguồn. Giá bán khí cho dự án vào khoảng 13.8 USD/mmBTU, cao hơn 2-3 lần so với giá bán tại các mỏ hiện tại. Mức giá bán khí này quy sang giá bán điện sẽ tương đương khoảng 2,400 đồng/kWh, cao hơn 20% so với giá điện bình quân.
- Nếu Chính phủ giao EVN cam kết tiêu thụ hết sản lượng điện và không điều chỉnh giá bán khí-điện hạ nguồn thì EVN sẽ thua lỗ. Ngược lại, nếu điều chỉnh giảm giá khí và tăng giá bán điện thì khả năng dự án sẽ không đạt hiệu quả kinh tế và sẽ gây ra tổn thất cho PVN. Lưu ý rằng PVN dự kiến sẽ cần thuyết phục các ngân hàng nước ngoài để huy động khoảng 1.5 tỷ USD cho dự án do Chính phủ không phát hành Bảo lãnh Chính phủ. Vì vậy, tính hiệu quả của dự án sẽ là điều kiện tiên quyết để PVN nhận được cam kết đầu tư. Từ các lý do trên, chúng tôi duy trì quan điểm rằng **tiến độ xin Quyết định đầu tư cuối cùng (FID) cho dự án Lô B Ô Môn có thể chậm trễ đến giữa năm 2024** do vấn đề cốt lõi khó có thể được giải quyết trong thời gian ngắn.

### Tiến triển:

- Trong tháng 9/2023, PVN đã ban hành nghị quyết nhằm tháo gỡ cho dự án. Theo đó, PVN sẽ được phép thực hiện trao thầu hạn chế (LLOA) cho gói thầu EPCI 1 (thiết kế, xây dựng, lắp đặt cụm giàn công nghệ trung tâm, giàn nhà ở) với ngân sách phê duyệt trong 6 tháng tới. Trong trường hợp FID vẫn chậm trễ trong 6 tháng tới, một Thỏa thuận sẽ được đàm phán trong lúc thực hiện LLOA, trong đó sẽ cho phép PVN được triển khai tiếp dự án và có cơ chế hoàn trả lại PVN phần chi phí đã bỏ ra trong giai đoạn đó. Do vậy, **dự án có thể được thực hiện ngay trong quý 4/2023 mà không cần phải hoàn toàn phụ thuộc vào tiến trình xin FID như trước.**

### Ảnh hưởng tới các doanh nghiệp chính trong ngành:

Mã	Tiến độ	Doanh thu năm đầu kỳ vọng	Thời điểm ghi nhận doanh thu kỳ vọng
PVS	Đã trúng gói thầu trị giá 1.08 tỷ USD. Có thể triển khai công việc từ cuối 2023.	200 triệu USD	2024
PVD	Đưa 1-2 giàn khoan đang hoạt động tại thị trường quốc tế về và đầu tư mua thêm 1 giàn Jack-up trong năm 2024. Có thể triển khai công việc từ đầu năm 2025.	90 triệu USD	2025
GAS	Dự báo thời gian chính thức vận hành bị lùi sang giữa năm 2027 (kế hoạch ban đầu là cuối năm 2026).	150 triệu USD (riêng doanh thu vận tải)	2027

# Quan điểm kỹ thuật

## Xu hướng & Hành động

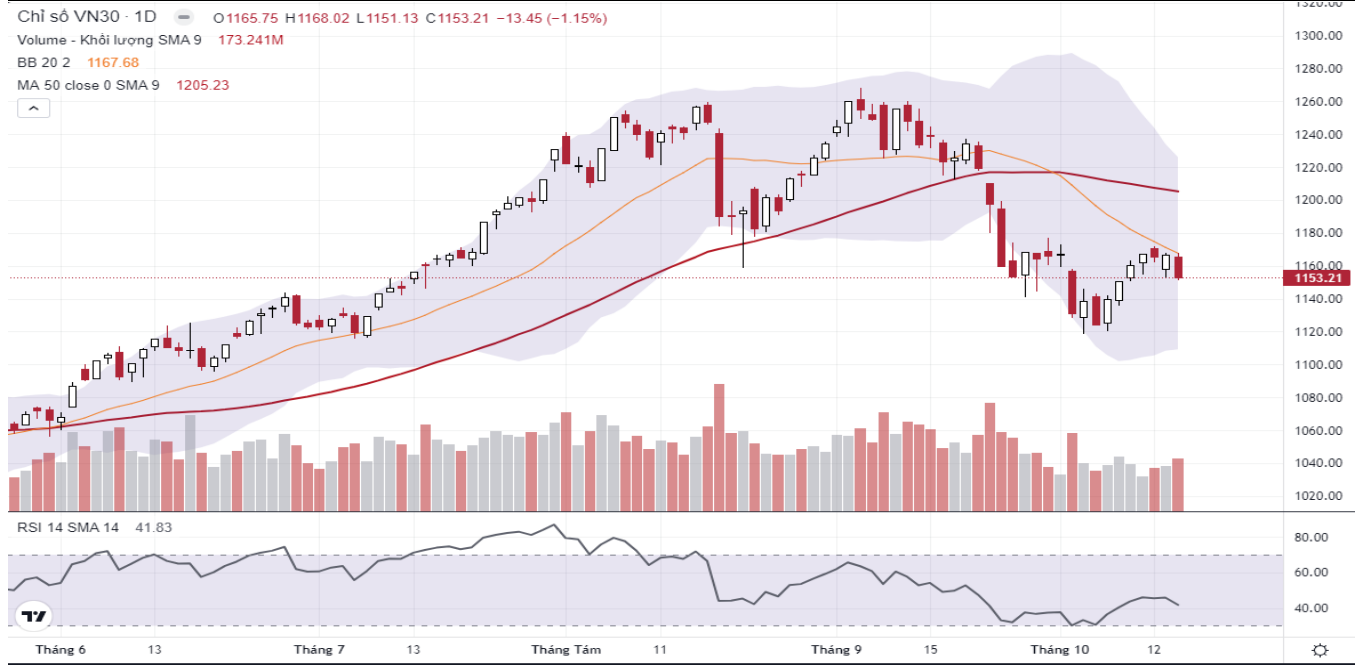
### Thị trường cơ sở – Chỉ số VNIndex



Nguồn : Trading View, KB Securities Vietnam

- Sau những nỗ lực tăng điểm đầu phiên, VNIndex dần suy yếu và đảo chiều giảm điểm giảm co về cuối phiên.
- Áp lực từ bên bán một lần nữa chiếm ưu thế quanh ngưỡng kháng cự 1160 (+-10) đã khiến cho chỉ số tiếp tục có một phiên vượt cản bất thành. VNIndex nhiều khả năng sẽ tiếp tục quán tính giảm điểm trong phiên hôm nay và lùi về ngưỡng hỗ trợ xa quanh 112x trước khi có cơ hội hồi phục trở lại.
- NĐT được khuyến nghị mở mua thăm dò với mục tiêu trading T+ khi chỉ số về quanh ngưỡng hỗ trợ đã đề cập nhưng cần khống chế tỷ trọng ở mức an toàn.

## Chỉ số VN30



## Thị trường phái sinh - Hợp đồng tương lai VN30F1M (F1)



Nguồn : Trading View, KB Securities Vietnam

### Ngưỡng trong phiên

Kháng cự xa: 1161 - 1163

Kháng cự gần: 1154 - 1156

Hỗ trợ gần: 1140 - 1142

Hỗ trợ xa: 1133 - 1136

— F1 trải qua một nhịp giảm điểm giảm co trong phiên trước khi lao dốc về cuối phiên.

— Áp lực từ bên bán một lần nữa chiếm ưu thế quanh ngưỡng kháng cự 1170 (+10) đã khiến cho chỉ số có một phiên hồi phục bất thành. F1 nhiều khả năng sẽ tiếp tục quán tính giảm điểm trong phiên hôm nay và lùi về ngưỡng hỗ trợ xa quanh 113x trước khi có cơ hội hồi phục trở lại.

— Chiến lược giao dịch trong phiên: Linh hoạt trading 2 chiều, SHORT tại kháng cự, LONG tại hỗ trợ.

— Chiến lược giao dịch qua đêm: Linh hoạt trading 2 chiều, SHORT tại kháng cự, LONG tại hỗ trợ.

*Lưu ý: Mức dừng lỗ áp dụng cho các vị thế trong phiên là 2 điểm và qua đêm là 5 điểm. Tùy vào khẩu vị rủi ro và diễn biến thực tế, NĐT có thể cần điều chỉnh tăng giảm nhẹ các mức này.*



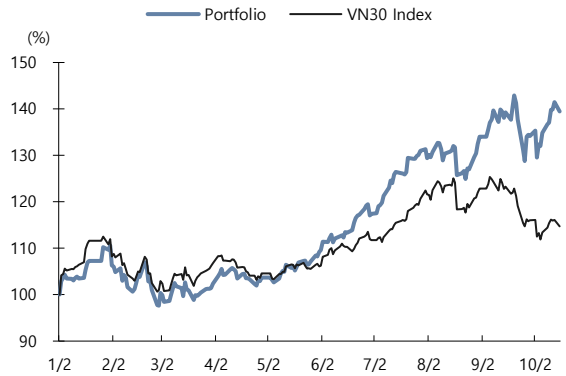
# KBSV danh mục đầu tư mẫu

Khối phân tích KBSV

## Phương pháp tiếp cận:

- Danh mục tập hợp các cổ phiếu tiềm năng nhất được KBSV nghiên cứu và khuyến nghị nắm giữ trong 3 tháng tới với mục đích mang lại hiệu suất vượt trội so với chỉ số VN30.
- Ngưỡng cắt lỗ tại -15%
- Danh mục giả định luôn duy trì tỷ trọng 100% cổ phiếu (bao gồm CCQ ETF) với trọng số được phân bổ đều giữa các mã. NĐT cần kết hợp với xu hướng thị trường và mức độ hấp dẫn của từng mã để điều chỉnh tỷ trọng tương ứng.

## So sánh hiệu suất với VN30 Index



	VN30 Index	Master Portfolio
Tăng trong phiên	-1.15%	-1.38%
Tăng lũy kế (YTD)	14.73%	39.49%

## Danh mục đầu tư mẫu cho NĐT trong nước

Mã CP	Ngày khuyến nghị	Giá đóng cửa 16/10/2023	Tăng/giảm trong phiên (%)	Tăng/giảm lũy kế (%)	Điểm nhấn đầu tư
Marinetime Bank (MSB)	05/09/2023	13,700	-1.8%	-8.1%	- NIM lũy kế 4 quý đạt 4,26%, ổn định ở mức cao nhờ lợi thế về CASA và lãi suất cho vay - Tổng tín dụng tăng trưởng 13.2% YTD, outperform so với mức tăng của ngành là 2.06% - Kỳ vọng tăng trưởng tín dụng trong 2023 đạt 17-20%
Coteccons (CTD)	02/10/2023	54,700	-0.4%	14.4%	- Hạch toán doanh thu, lợi nhuận từ dự án LEGO vào cuối Quý 4/2023 - Lượng tiền mặt lớn so với các đối thủ khác - Nguồn backlog đảm bảo doanh thu
Kinh Bắc (KBC)	02/10/2023	33,000	-0.9%	2.2%	- Kỳ vọng ghi nhận doanh số cho hơn 160ha đất KCN trong năm nay - Tràn Duệ 3 dự kiến hoàn thành pháp lý trong năm nay và ghi nhận doanh thu cho thuê bắt đầu từ 2024
PV Drilling (PVD)	01/08/2023	28,700	0.9%	12.5%	- Nhu cầu thuê giàn tăng mạnh trong khi nguồn cung thắt chặt - Kỳ vọng cải thiện giá cước giàn JU - Kỳ vọng thị trường E&P nội địa sôi động hơn từ 2024
Dabaco (DBC)	05/09/2023	22,450	-2.8%	-9.7%	- Giá thịt heo tiếp tục hồi phục về quanh 65-68,000 đồng/kg trong nửa cuối năm - Giá nguyên liệu đầu vào thường có xu hướng giảm trong El Nino giúp biên LNG cải thiện - Kỳ vọng ghi nhận khoản lợi nhuận 150 tỷ đồng từ dự án Parkview
TNG Inv. & Trading (TNG)	05/09/2023	20,700	-4.2%	2.5%	- Đạt KQKD tích cực 7 tháng đầu năm, kỳ vọng tăng trưởng 18% - 20% trong năm 2023 - Hưởng lợi từ tăng trưởng mảng công nghệ ở các thị trường chủ lực (Mỹ, Nhật) - Mảng giáo dục đầu tư duy trì tốc độ tăng trưởng cao và ổn Định
Hai An Transport (HAH)	05/09/2023	39,400	-3.3%	10.2%	- Đã giảm giá cước vận tải kì vọng sẽ chậm lại và doanh thu từ đội tàu tiếp tục duy trì - Dự thảo đề xuất điều chỉnh giá sàn dịch vụ bốc dỡ tại cảng tăng 10% - HAH đang đầu tư đóng mới 3 tàu với tổng vốn đầu tư dự kiến lên đến 2,000 tỷ VND
Vinhomes (VHM)	02/10/2023	45,550	-2.9%	-0.4%	- Tiếp tục mở rộng quỹ đất tại các dự án ở Hải Phòng, Long An, Khánh Hòa - Kết quả kinh doanh tăng trưởng mạnh mẽ - Tiến độ mở bán các dự án quy mô nhỏ tiến triển tốt
PV Power (POW)	02/10/2023	11,350	-0.4%	-3.4%	- Các nhà máy của POW hoàn thành sửa chữa và đại tu trong 2023 - Giá cổ phiếu chiết khấu sâu so với mức định giá
Petro Technical (PVS)	02/10/2023	40,700	2.0%	7.4%	- Kỳ vọng mảng M&C dầu khí nội địa sôi động hơn từ 2024 - Lợi thế cạnh tranh trong mảng M&C năng lượng tái tạo

Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

# Thống kê thị trường

## HSX – Top 5 cổ phiếu mua/bán ròng khối ngoại

Mã	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Mua ròng (Tỷ VND)
VNM	-0.8%	55.2%	14.9
DGW	-2.5%	22.3%	14.1
VCB	-0.6%	23.5%	14.0
SGN	0.0%	13.6%	11.4
STB	-4.1%	22.4%	6.8

Mã	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Bán ròng (Tỷ VND)
MWG	-1.8%	48.2%	-141.2
FPT	0.7%	49.0%	-93.7
FUEVFVND	-1.6%	97.1%	-87.4
VPB	2.5%	16.4%	-67.1
SSI	-4.3%	44.1%	-61.7

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

## HNX – Top 5 cổ phiếu mua/bán ròng khối ngoại

Mã	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Mua ròng (Tỷ VND)
CEO	-1.9%	4.5%	4.2
IDC	-2.7%	1.3%	2.2
TIG	-2.7%	12.5%	0.5
PCG	9.0%	48.7%	0.3
BVS	-2.7%	8.8%	0.2

Mã	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Bán ròng (Tỷ VND)
SHS	-2.8%	11.4%	-31.6
PVS	2.0%	20.4%	-5.0
TNG	-4.2%	19.3%	-4.4
MBS	-3.9%	0.7%	-2.8
EID	0.0%	0.0%	-1.2

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

## Nhóm ngành – Top 5 nhóm ngành tăng/giảm trong tuần

5 ngành diễn biến tích cực nhất	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
Phụ tùng oto	6.8%	DRC, CSM, PAC, TNC
Hàng không dân dụng	5.2%	VJC, HVN
Khách sạn, Nhà hàng & Giải trí	4.3%	AST, VNG, DSN, DAH
Dầu, khí và nhiên liệu tiêu hao	3.6%	PLX, PGC, CNG, GSP
Sản phẩm xây dựng	2.7%	VGC, BMP, SHI, DAG

5 ngành diễn biến tiêu cực nhất	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
Đồ gia dụng	-3.6%	TTF, GDT, EVE, SAV
Bao bì & đóng gói	-2.4%	TDP, SVI, MCP, TPC
Kim loại & khai thác	-1.9%	HPG, HSG, NKG, KSB
Tiện ích điện	-1.9%	PGV, NT2, PPC, TTA
Chứng khoán	-1.5%	SSI, VND, HCM, VCI

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

## Nhóm ngành – Top 5 tăng/giảm trong tháng

5 ngành diễn biến tích cực nhất	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
Phụ tùng oto	3.8%	DRC, CSM, PAC, TNC
Hóa chất	3.6%	GVR, DGC, DPM, DCM
Hàng không dân dụng	2.8%	VJC, HVN
Sản phẩm xây dựng	1.3%	VGC, BMP, SHI, DAG
Vận tải hàng không & Logistics	0.0%	TMS, SCS, STG, ASG

5 ngành diễn biến tiêu cực nhất	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
Đồ uống	-14.1%	SAB, BHN, SMB, SCD
Quản lý & phát triển bất động sản	-14.0%	VHM, VIC, NVL, BCM
Tiện ích điện	-13.2%	PGV, NT2, PPC, TTA
Chứng khoán	-12.3%	SSI, VND, HCM, VCI
Kim loại & khai thác	-12.2%	HPG, HSG, NKG, KSB

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

## Việt Nam – Cổ phiếu tiêu biểu

Ngành	Mã	Tên công ty	Giá bán	Vốn hóa thị trường (VND tỷ, USDmn)	GTGD (VND triệu, USDmn)	Room còn lại (%, -1d)	P/E (X)		EPS CAGR (%)	ROE (%)		P/B (X)		Biến động (%)			
							20E	21E		20E	21E	20E	21E	1D	1W	1M	YTD
Bất Động Sản	VIC	VINGROUP JSC	97,778	372,067 (16,170)	437,290 (17.9)	22.5	41.9	39.4	14.7	3.6	3.6	1.5	1.5	-2.4	-0.4	-16.0	-16.4
	VHM	VINHOMES JSC	79,385	339,478 (14,753)	208,733 (8.6)	26.6	5.8	5.3	35.9	20.6	18.7	1.1	1.0	-2.9	-3.1	-9.8	-5.1
	VRE	VINCOM RETAIL JS	34,850	79,190 (3,442)	90,387 (3.7)	17.8	14.6	13.8	-7.6	11.9	11.4	1.6	1.5	-2.4	-1.3	-6.0	1.5
	NVL	NOVALAND INVESTM	45,853	86,712 (3,768)	382,044 (15.7)	31.3	-	-	6.7	-3.8	-0.7	0.8	0.8	-2.7	1.4	-23.0	3.9
	KDH	KHANG DIEN HOUSE	25,770	19,167 (833)	39,655 (1.6)	11.6	25.5	22.1	13.7	8.2	8.2	1.9	1.8	-0.9	7.5	0.8	31.6
	DXG	DAT XANH GROUP	21,130	12,594 (547)	333,869 (13.7)	13.9	31.4	33.4	-	3.7	3.4	1.1	1.1	-4.9	0.9	-20.1	36.9
Ngân hàng	VCB	BANK FOR FOREIGN	67,686	378,305 (16,441)	87,967 (3.6)	6.3	14.6	12.3	11.7	22.7	21.3	2.9	2.3	-0.6	1.8	-4.1	27.1
	BID	BANK FOR INVESTM	34,507	174,556 (7,586)	42,183 (1.7)	12.7	10.8	8.5	-5.3	19.0	19.6	1.8	1.5	-2.0	-0.7	-11.0	7.9
	TCB	VIETNAM TECHNOLO	38,900	136,341 (5,925)	124,256 (5.1)	0.0	6.2	4.8	14.3	14.8	16.4	0.9	0.7	-1.2	-0.9	-8.9	23.0
	CTG	VIETNAM JS COMM	28,512	137,021 (5,955)	144,443 (5.9)	1.4	8.0	6.6	50.3	16.7	17.5	1.1	1.0	-1.7	-1.2	-12.1	5.7
	VPB	VIETNAM PROSPERI	15,296	101,381 (4,406)	278,099 (11.4)	0.0	11.4	8.5	18.8	10.6	11.5	1.3	1.2	2.5	5.1	-0.2	25.7
	MBB	MILITARY COMMERC	14,063	73,327 (3,187)	161,816 (6.6)	0.0	4.9	4.1	14.6	22.5	22.7	1.1	0.9	-1.4	-0.5	-6.2	22.4
	HDB	HDBANK	14,191	40,641 (1,766)	153,076 (6.3)	4.2	5.8	4.2	23.3	21.2	24.3	1.1	0.9	-1.1	2.1	-3.3	25.5
	STB	SACOMBANK	18,600	33,548 (1,458)	588,504 (24.1)	14.0	8.0	5.0	26.5	18.0	23.2	1.2	1.0	-4.1	-3.2	-7.1	34.2
	TPB	TIEN PHONG COMME	14,821	28,732 (1,249)	104,442 (4.3)	0.0	4.8	4.1	37.4	19.1	19.3	1.0	0.9	-2.6	-0.3	-12.5	11.1
	EIB	VIETNAM EXPORT-I	13,065	22,745 (988)	130,091 (5.3)	0.2	15.6	9.4	27.3	10.4	15.7	1.4	1.2	-1.1	-0.3	-19.9	-12.6
Bảo hiểm	BVH	BAO VIET HOLDING	61,900	45,950 (1,997)	20,270 (0.8)	21.0	16.3	15.5	15.8	9.3	9.4	1.5	1.4	-1.5	-1.3	-7.2	-10.6
	BMI	BAOMINH INSURANC	20,227	2,439 (106)	3,097 (0.1)	14.2	-	-	9.1	13.4	-	-	-	-1.1	0.0	-9.2	20.0
Chứng khoán	SSI	SSI SECURITIES C	20,676	19,947 (867)	989,937 (40.6)	55.4	27.1	22.0	-3.2	8.1	9.7	2.2	2.2	-4.3	-3.3	-9.6	81.4
	VCI	VIETCAP	21,154	9,108 (396)	254,607 (10.4)	71.9	25.9	19.2	-4.0	10.5	13.6	2.7	2.5	-3.5	1.0	-14.3	75.9
	HCM	HO CHI MINH CITY	22,265	8,907 (387)	184,792 (7.6)	52.4	-	-	-19.0	-	-	-	-	-4.0	-1.1	-12.5	50.8
	VND	VNDIRECT SECURIT	6,983	5,734 (249)	628,961 (25.8)	27.2	21.8	16.3	36.3	7.9	10.2	1.7	1.6	-4.8	-3.0	-12.7	55.2
Hàng tiêu dùng thiết yếu	VNM	VIET NAM DAIRY P	109,000	227,805 (9,900)	144,016 (5.9)	42.1	18.9	16.1	4.0	28.6	31.5	5.4	5.5	-0.8	2.0	-5.4	-1.2
	SAB	SAIGON BEER ALCO	96,250	123,447 (5,365)	33,599 (1.4)	36.9	19.6	17.6	7.3	19.4	19.7	3.6	3.2	1.1	3.1	-14.7	-15.0
	MSN	MASAN GROUP CORP	79,250	111,712 (4,855)	123,345 (5.1)	16.5	49.3	29.4	-51.9	7.7	11.9	3.7	3.3	-1.5	-2.6	-10.2	-23.0
	HNG	HOANG ANH GIA LA	12,450	13,801 (600)	8,418 (0.3)	48.8	-	-	-	-	-	-	-	-1.5	1.0	-3.0	-7.5
Công nghiệp (vận tải)	VJC	VIETJET AVIATION	131,800	69,042 (3,001)	108,306 (4.4)	11.0	70.2	29.7	-88.5	5.9	12.9	3.5	3.0	-1.3	5.6	2.8	-6.4
	GMD	GEMADEPT CORP	33,100	9,976 (434)	106,237 (4.4)	10.8	9.7	18.1	-57.0	29.3	12.2	2.2	2.1	-1.1	-1.1	2.2	44.1
	CII	HO CHI MINH CITY	22,600	5,398 (235)	183,024 (7.5)	38.4	34.5	22.0	65.7	2.4	3.8	0.8	0.8	-3.6	-5.4	-25.5	34.5
Công nghiệp (Tư bản)	ROS	FLC FAROS CONSTR	3,670	2,083 (091)	#N/A (#N/A)	46.4	-	-	-92.4	-	-	-	-	-	-	-	-
	GEX	GELEX GROUP JSC	15,802	10,411 (452)	451,935 (18.5)	37.7	25.5	17.1	-14.4	3.5	6.7	-	-	0.9	6.1	-11.6	75.0
	CTD	COTECCONS CONSTR	54,900	5,438 (236)	54,191 (2.2)	3.6	17.7	22.1	-52.4	2.1	1.8	0.7	0.7	-0.4	5.8	8.0	121.7
	REE	REE	45,066	18,419 (800)	38,035 (1.6)	0.0	9.4	8.3	-4.5	14.7	15.2	1.3	1.2	-1.0	0.5	-1.3	0.0

Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

## Việt Nam – Cổ phiếu tiêu biểu

Ngành	Mã	Tên công ty	Giá bán	Vốn hóa thị trường (VND tỷ, USDmn)	GTGD (VND triệu, USDmn)	Room còn lại (%, -1d)	P/E (X)		EPS CAGR (%)	ROE (%)		P/B (X)		Biến động (%)			
							20E	21E		20E	21E	20E	21E	1D	1W	1M	YTD
Tiện ích	GAS	PETROVIETNAM GAS	75,083	172,447 (7,494)	53,499 (2.2)	46.1	16.1	15.6	-17.5	19.3	17.0	3.0	2.8	1.3	0.3	-4.9	2.7
	NT2	PETROVIETNAM NHO	22,850	6,578 (286)	15,720 (0.6)	31.4	11.5	9.3	-10.5	13.4	16.4	1.5	1.5	-1.6	-0.8	-8.1	-15.3
	PPC	PHA LAI THERMAL	26,200	8,400 (365)	1,101 (0.0)	34.1	16.3	9.2	-5.1	5.9	10.3	0.9	0.9	-0.7	0.0	-4.4	11.1
Nguyên vật liệu	HPG	HOA PHAT GRP JSC	24,986	145,287 (6,314)	610,479 (25.0)	18.0	20.5	10.7	21.9	7.5	13.3	1.4	1.3	-2.9	-2.0	-9.4	38.9
	DPM	PETROVIETNAM FER	17,400	6,809 (296)	144,982 (5.9)	36.5	12.4	8.7	-0.5	9.4	14.0	1.2	1.2	1.8	2.0	2.9	-6.2
	DCM	PETRO CA MAU FER	13,650	7,226 (314)	170,817 (7.0)	46.5	14.8	9.4	-4.5	12.0	17.6	1.6	1.5	0.8	-0.1	9.8	39.8
	HSG	HOA SEN GROUP	18,314	11,063 (481)	248,384 (10.2)	38.9	-	19.2	67.9	2.2	5.8	1.1	1.0	-4.3	-2.8	-12.1	67.7
	AAA	AN PHAT BIOPLAST	12,864	3,138 (136)	30,987 (1.3)	97.2	-	-	17.2	-	-	-	-	-1.6	-1.1	-11.5	33.5
Năng lượng	PLX	VIETNAM NATIONAL	56,100	68,375 (2,972)	43,260 (1.8)	4.6	15.2	13.6	-51.0	12.6	12.4	1.8	1.7	0.3	3.1	-8.3	16.1
	PVD	PETROVIETNAM DRI	17,727	9,854 (428)	144,052 (5.9)	39.9	40.0	24.3	-11.9	4.4	7.3	1.1	1.1	0.9	8.3	5.5	60.8
	PVT	PETROVIET TRANSP	17,900	5,793 (252)	140,275 (5.8)	35.9	10.3	10.0	2.2	15.2	14.1	1.4	1.3	0.5	7.1	15.8	36.8
Hàng tiêu dùng không thiết yếu	MWG	MOBILE WORLD INV	46,500	65,024 (2,826)	376,757 (15.5)	0.0	64.8	17.2	14.4	3.2	14.9	3.0	2.7	-1.8	1.4	-13.1	13.3
	PNJ	PHU NHUAN JEWELR	65,625	19,895 (865)	34,337 (1.4)	0.0	14.8	12.7	2.4	20.3	21.1	2.8	2.5	0.1	-0.1	-1.8	-11.1
	YEG	YEAH1 GROUP CORP	40,300	1,261 (055)	2,641 (0.1)	70.6	-	-	-	-	-	-	-	6.7	2.4	27.4	88.0
	FRT	FPT DIGITAL RETA	16,348	2,227 (097)	74,093 (3.0)	30.3	-	27.9	-75.2	-12.4	23.8	6.4	5.3	-0.4	1.0	12.8	61.7
	PHR	PHUOC HOA RUBBER	61,900	8,387 (365)	24,115 (1.0)	34.6	14.0	17.4	41.2	15.2	12.2	2.1	2.0	0.6	5.5	2.8	29.7
Chăm sóc sức khỏe	DHG	DHG PHARMACEUTIC	100,300	13,114 (570)	3,584 (0.1)	45.4	13.8	12.9	10.7	25.4	23.8	3.2	2.7	-0.3	-2.0	1.4	41.0
	PME	PYMEPHARCO JSC	80,200	6,016 (261)	#N/A (#N/A)	11.7	-	-	1.6	-	-	-	-	-	-	-	-
IT	FPT	FPT CORP	49,275	61,301 (2,664)	255,153 (10.5)	0.0	20.3	16.3	15.5	26.8	28.5	5.0	4.9	0.7	1.3	-0.7	44.8

Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

## KHỐI PHÂN TÍCH CÔNG TY CHỨNG KHOÁN KB VIỆT NAM

Nguyễn Xuân Bình – Giám đốc phân tích  
binhnx@kbsec.com.vn

### Phân tích doanh nghiệp

#### Ngân hàng, Bảo hiểm & Chứng khoán

Nguyễn Anh Tùng – Trưởng nhóm  
tungna@kbsec.com.vn

Phạm Phương Linh – Chuyên viên phân tích  
linhpp@kbsec.com.vn

#### Bất động sản, Xây dựng & Vật liệu xây dựng

Phạm Hoàng Bảo Nga – Chuyên viên phân tích cao cấp  
ngaphb@kbsec.com.vn

Nguyễn Dương Nguyên – Chuyên viên phân tích  
nguyenn1@kbsec.com.vn

#### Bán lẻ & Hàng tiêu dùng

Nguyễn Trường Giang – Chuyên viên phân tích  
giangnt1@kbsec.com.vn

#### Bất động sản khu công nghiệp & Logistics

Nguyễn Thị Ngọc Anh – Chuyên viên phân tích  
anhntn@kbsec.com.vn

#### Công nghệ thông tin & Tiện ích

Nguyễn Đình Thuận – Chuyên viên phân tích  
thuann1@kbsec.com.vn

#### Dầu khí & Hóa Chất

Phạm Minh Hiếu – Chuyên viên phân tích  
hieupm@kbsec.com.vn

Khoảng phân tích  
research@kbsec.com.vn

### Phân tích vĩ mô & Chiến lược đầu tư

Trần Đức Anh – Giám đốc vĩ mô & Chiến lược đầu tư  
anhdt@kbsec.com.vn

#### Vĩ mô & Ngân hàng

Hồ Đức Thành – Chuyên viên phân tích  
thanhhd@kbsec.com.vn

Vũ Thu Uyên – Chuyên viên phân tích  
uyenvt@kbsec.com.vn

#### Chiến lược đầu tư

Thái Hữu Công – Chuyên viên phân tích  
congh@kbsec.com.vn

Nghiêm Sỹ Tiến – Chuyên viên phân tích  
tiens@kbsec.com.vn

### Bộ phận Hỗ trợ

Nguyễn Cẩm Thơ – Chuyên viên hỗ trợ  
thonc@kbsec.com.vn

Nguyễn Thị Hương – Chuyên viên hỗ trợ  
huongnt3@kbsec.com.vn

## CTCP CHỨNG KHOÁN KB VIỆT NAM (KBSV)

---

### Trụ sở chính:

Địa chỉ: Tầng 16&17, Tháp 2, Tòa nhà Capital Place, số 29 Liễu Giai, Ba Đình, Hà Nội  
Điện thoại: (+84) 24 7303 5333 - Fax: (+84) 24 3776 5928

### Chi nhánh Hà Nội:

Địa chỉ: Tầng 1, Tòa nhà VP, số 5 Điện Biên Phủ, Quận Ba Đình, Hà Nội  
Điện thoại: (+84) 24 7305 3335 - Fax: (+84) 24 3822 3131

### Chi nhánh Hồ Chí Minh:

Địa chỉ: Tầng 2, TNR Tower Nguyễn Công Trứ, 180-192 Nguyễn Trứ, Q1, TP Hồ Chí Minh  
Điện thoại: (+84) 28 7303 5333 - Fax: (+84) 28 3914 1969

### Chi nhánh Sài Gòn:

Địa chỉ: Tầng 1, Saigon Trade Center, 37 Tôn Đức Thắng, Phường Bến Nghé, Q1, Hồ Chí Minh  
Điện thoại: (+84) 28 7306 3338 - Fax: (+84) 28 3910 1611

## LIÊN HỆ

Trung Tâm Khách hàng Tổ chức: (+84) 28 7303 5333 – Ext: 2656

Trung Tâm Khách hàng Cá nhân: (+84) 24 7303 5333 – Ext: 2276

Email: [ccc@kbsec.com.vn](mailto:ccc@kbsec.com.vn)

Website: [www.kbsec.com.vn](http://www.kbsec.com.vn)

## Hệ thống khuyến nghị

---

### Hệ thống khuyến nghị đầu tư cổ phiếu

(dựa trên kỳ vọng tăng giá tuyệt đối trong 6 tháng tới)

Mua:	Nắm giữ:	Bán:
+15% hoặc cao hơn	trong khoảng +15% và -15%	-15% hoặc thấp hơn

### Hệ thống khuyến nghị đầu tư ngành

(dựa trên kỳ vọng tăng giá tuyệt đối trong 6 tháng tới)

Khả quan:	Trung lập:	Kém khả quan:
Vượt trội hơn thị trường	Phù hợp thị trường	Kém hơn thị trường

Ý kiến trong báo cáo này phản ánh đánh giá chuyên môn của (các) chuyên viên phân tích kể từ ngày phát hành và dựa trên thông tin và dữ liệu thu được từ các nguồn mà KBSV cho là đáng tin cậy. KBSV không tuyên bố rằng thông tin và dữ liệu là chính xác hoặc đầy đủ và các quan điểm được trình bày trong báo cáo này có thể thay đổi mà không cần thông báo trước. Khách hàng nên độc lập xem xét các trường hợp và mục tiêu cụ thể của riêng mình và tự chịu trách nhiệm về các quyết định đầu tư của mình và chúng tôi sẽ không có trách nhiệm đối với các khoản đầu tư hoặc kết quả của chúng. Những tài liệu này là bản quyền của KBSV và không được sao chép, phân phối lại hoặc sửa đổi mà không có sự đồng ý trước bằng văn bản của KBSV. Nhận xét và quan điểm trong báo cáo này có tính chất chung và chỉ nhằm mục đích tham khảo và không được phép sử dụng cho bất kỳ mục đích nào khác.

